

## **Bài 5. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á**

### **I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC**

Sau bài học, HS biết :

- So sánh số liệu để nhận xét sự gia tăng dân số các châu lục, thấy được châu Á có số dân đông nhất so với các châu lục khác, mức độ tăng dân số châu Á đạt mức trung bình của thế giới.
- Quan sát ảnh và lược đồ nhận xét sự đa dạng của các chủng tộc cùng chung sống trên lãnh thổ châu Á.
- Tên các tôn giáo lớn, sơ lược về sự ra đời của những tôn giáo này.

### **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC**

#### **1. Trọng tâm của bài**

Phân tích số liệu để thấy dân số châu Á đông, gồm nhiều chủng tộc trong đó đông nhất là chủng tộc Môn-gô-lô-it.

#### **2. Về nội dung chi tiết**

Nội dung của bài học tập trung vào cung cấp các thông tin, số liệu để HS qua phân tích nhận biết được đặc điểm của dân cư châu Á. Để giúp HS nhận thức sâu sắc thêm bài học, GV có thể giải thích một số đặc điểm, cụ thể như sau :

a) *Vì sao châu Á đông dân* : châu Á có phần lớn diện tích đất đai ở vùng ôn đới, nhiệt đới với các đồng bằng châu thổ màu mỡ rất rộng lớn, thuận lợi cho sự quần cư của con người. Trồng lúa, nhất là lúa nước là nghề truyền thống của cư dân nhiều vùng thuộc châu Á, nghề này cần nhiều sức lao động nên trong thời gian dài mô hình gia đình đông con thường được khuyến khích. Đây cũng là châu lục tiến hành công nghiệp hoá tương đối chậm (chỉ một số nước phát triển mạnh trở thành nước công nghiệp như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po). Đến năm 2002 do việc thực hiện chính sách dân số ở các nước đông dân nên mức độ gia tăng dân số đã đạt được mức trung bình của thế giới (1,3%). Tuy vậy dân số chưa đến giai đoạn ổn định như các nước phát triển ở châu Âu.

b) *Về tôn giáo* : Sự xuất hiện tôn giáo là do nhu cầu, mong muốn của con người trong quá trình phát triển xã hội loài người. Người xưa luôn cảm thấy yếu đuối, bất lực trước thiên nhiên hùng vĩ, bao la, đầy bí ẩn nên đã gán cho tự nhiên những sức mạnh siêu nhiên, chờ mong sự giúp đỡ của chúng. Trong xã hội có giai cấp con người bất lực trước lực lượng áp bức nảy sinh trong xã hội, họ lại cầu viện đến những thần linh hoặc hi vọng ảo tưởng vào cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới “bên kia”. Trong thực tế, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và về con người vẫn còn có giới hạn. Điều gì con người chưa giải thích được thì họ tìm đến tôn giáo. Do đó sự xuất hiện và tồn tại của tôn giáo là khách quan. Trong bài chỉ đề cập tới 4 tôn giáo có số tín đồ đông nhất và phổ biến nhất trên thế giới. Dưới đây là một số thông tin về 4 tôn giáo có số tín đồ đông nhất trên thế giới hiện nay.

- Ấn Độ giáo : có xuất xứ từ đạo Bà-la-môn, một tôn giáo đa thần, xuất hiện từ những thế kỉ đầu của thiên niên kỉ I trước Công nguyên (TCN) tại Ấn Độ. Ấn Độ giáo (đạo Hin-đu) thay thế đạo Bà-la-môn trong khoảng thế kỉ VIII, IX sau Công nguyên (SCN) và vẫn tôn thờ thần Bra-ma (thần sáng tạo), Si-va (thần phá hoại) và Vi-snu (thần bảo vệ), ngoài ra còn tôn thờ nhiều vị thần khác được lựa chọn từ các con vật gần gũi với con người như thần bò, thần khí. Trong các chùa của Ấn Độ giáo có nhiều tượng thần để thờ. Tín đồ Ấn Độ giáo tin rằng con người sau khi chết, linh hồn sẽ đầu thai nhiều lần (thuyết luân hồi). Mỗi lần đầu thai như vậy con người sẽ sung sướng hay khổ cực tùy thuộc những việc làm tốt, xấu của kiếp trước (quả báo). Ấn Độ giáo coi trọng sự phân chia đẳng cấp. Kinh thánh của Ấn Độ giáo có nhiều tập gồm cả trường ca lẫn truyện cổ.

- Phật giáo : xuất hiện vào thế kỉ thứ VI TCN. Đạo Phật ban đầu không thừa nhận thượng đế và các vị thần bảo hộ, chỉ khuyên con người phải từ bỏ ham muốn, tránh làm điều ác, làm điều thiện để được cứu vớt. Phật giáo có 2 phái. Phái Tiểu thừa cho rằng chỉ có người đi tu mới được cứu vớt và chỉ có một Phật duy nhất là Thích ca. Phái Đại thừa cho rằng cả người tu hành và người trần tục quy y theo Phật đều được cứu vớt, theo họ Phật Thích ca là cao nhất, ngoài ra còn có nhiều Phật khác như Phật Di Đà và ai cũng có thể thành Phật như Quan Âm Bồ Tát.

- Hồi giáo : Tín đồ Hồi giáo tôn thờ một vị thần duy nhất là thánh A-la và cho rằng mọi thứ đều thuộc về A-la. A-la giao sứ mệnh truyền bá tôn giáo cho sứ giả là Mô-ha-mét. Kinh thánh của Đạo Hồi là kinh Co-ran, trong đó có cả những nguyên tắc tôn giáo lẫn tri thức khoa học và nguyên tắc pháp luật, đạo đức. Tín đồ Đạo Hồi có nghi thức riêng như khi cầu nguyện phải hướng về thánh địa Méc-ca, phủ phục, trán chạm đất ; cấm ăn thịt lợn, thịt chó và cấm uống rượu. Đạo Hồi không thờ ảnh tượng vì cho rằng A-la toả khắp mọi nơi. Trong thánh thất Hồi Giáo chỉ trang trí bằng chữ A-rập. Riêng đền Ca-a-ba ở Méc-ca thờ một phiến đá đen từ xưa để lại. Tín đồ Đạo Hồi phải cầu nguyện 5 lần mỗi ngày vào sáng, trưa, chiều, tối và đêm. Thứ sáu hàng tuần phải đến Thánh thất làm lễ một lần. Hằng năm, trong tháng Ra-ma-đan, các tín đồ phải ăn chay.

- Ki-tô giáo : Ki-tô giáo có một phần nguồn gốc từ đạo Do Thái, xuất hiện ở vùng Pa-le-xtin từ đầu Công nguyên. Theo truyền thuyết, chúa Giê-su, người sáng lập ra đạo Ki-tô là con của Chúa trời được đấng thai vào đức mẹ Ma-ri-a và sinh ra ở vùng Bet-lê-hem (Pa-le-xtin). Chúa Giê-su khuyên mọi người sống nhẫn nhục, chịu đựng, chết sẽ được hưởng hạnh phúc vĩnh viễn ở thiên đường. Đạo Ki-tô cũng cho rằng chúa trời sáng tạo ra tất cả và có thiên đường, địa ngục, linh hồn bất tử, thiên thần, ma quỷ. Đạo Ki-tô có 7 nghi lễ quan trọng như lễ rửa tội - nghi thức gia nhập đạo, lễ giải tội - xưng tội để được xá tội... Kinh thánh gồm Cựu ước và Tân ước. Những năm đầu CN, từ vùng Tiểu Á các tín đồ của Ki-tô giáo đã toả đi truyền giáo khắp đế quốc La Mã và trụ lại ở La Mã, lập nên Toà thánh La Mã, đứng đầu giáo hội là Giáo hoàng. Ở các nước Tây Âu, Ki-tô giáo được cải cách thành nhiều loại khác nhau.

Ở Việt Nam có nhiều tôn giáo, nhiều tín ngưỡng cùng tồn tại. Tín ngưỡng của người dân Việt Nam mang đậm màu sắc dân gian, do nhân dân, những người lao động sáng tạo ra, những nhân vật được tôn thờ thường được gán cho những đặc tính siêu nhiên, huyền bí như Thánh Gióng, Bà Chúa Kho, Ông Địa...

Bên cạnh đó có những tôn giáo du nhập vào Việt Nam như Đạo Thiên chúa, Đạo Phật hoặc do một số người Việt lập nên như Đạo Cao Đài, Đạo Hoà Hảo...

Một số nước Đông Nam Á cũng có tình trạng tương tự, người dân tôn thờ những vị thánh là những người có thực trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước họ hoặc do truyền thuyết để lại.

### **III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT**

- Bản đồ các nước trên thế giới
- Lược đồ, ảnh trong SGK
- Tranh, ảnh về các cư dân châu Á (nếu thu thập được).

### **IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC**

GV yêu cầu hai HS đoán số dân châu Á (không dùng SGK), nhận xét HS nói đúng (nên khen về việc HS chú ý theo dõi và có thông tin), hoặc chưa đúng để bắt đầu bài học ; GV nêu mục tiêu của bài học, cách thức đạt được mục tiêu đó là HS làm việc với số liệu, tranh ảnh, tài liệu có trong SGK, GV sẽ giải thích để HS rõ thêm đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.

#### **Mục 1. Một châu lục đông dân nhất thế giới**

GV cho HS cả lớp tự đọc bảng 5.1. Dân số các châu lục qua một số năm, nhận xét dân số châu Á so với dân số các châu lục khác (tính và nhận xét số dân châu Á so với dân số thế giới). GV có thể yêu cầu HS dựa vào những kiến thức về điều kiện tự nhiên châu Á, về các yếu tố ảnh hưởng tới phân bố dân cư, thử tìm nguyên nhân của sự tập trung dân cư đông đúc ở một số khu vực ở châu Á. Cần có hai HS báo cáo kết quả và GV bổ sung ý kiến của HS.

Kết quả cần đạt là : Châu Á có số dân đông nhất, chiếm gần 61% dân số thế giới, (trong khi diện tích châu Á chỉ chiếm 23,4 % của thế giới) ; nguyên nhân là do châu Á có nhiều đồng bằng tập trung đông dân. GV bổ sung nếu HS chưa nêu được : do sản xuất nông nghiệp trên các đồng bằng cần nhiều sức lao động.

GV chia HS trong lớp thành các nhóm nhỏ gồm từ 6 đến 8 HS, mỗi nhóm sẽ tính mức gia tăng tương đối của dân số các châu lục, thế giới và Việt Nam qua 50 năm, quy định chung dân số năm 1950 là 100%, tính đến năm 2000

dân số châu đó sẽ tăng bao nhiêu phần trăm. GV hướng dẫn HS tính theo, ví dụ về châu Phi :

$$\text{Năm 2000 : } \frac{784 \text{ triệu người} \times 100}{221 \text{ triệu người}} = 354,7\% \text{ như vậy năm 2000 so với năm 1950}$$

dân số châu Phi tăng 354,7%.

GV cung cấp cho HS số liệu tương ứng của Việt Nam là 229%.

Sau khi các nhóm tính xong (dành 5 phút cho HS tính toán), GV yêu cầu thư kí từng nhóm đọc kết quả để GV ghi bảng hoặc các thư kí tự ghi bảng số liệu tính toán được vào bảng kẻ (GV kẻ sẵn bảng để các thư kí nhóm có thể tự điền vào). Dưới đây là kết quả tính (làm tròn) :

Châu	Mức tăng dân số 1950-2000 (%)
Á	262,7
Âu	133,2
Đại Dương	233,8
Mĩ	244,5
Phi	354,7
Toàn thế giới	240,1
Việt Nam	229,0

Qua bảng, GV cho HS nhận biết và để một số HS phát biểu về mức độ gia tăng dân số của châu Á so với các châu lục khác. Kết quả cần là : Dân số châu Á tăng nhanh thứ hai sau châu Phi, cao hơn so với thế giới.

GV bổ sung, châu Á cũng là châu lục có nhiều nước có số dân rất đông như Trung Quốc năm 2002 có 1 280,7 triệu người ; Ấn Độ có 1049,5 triệu ; In-đô-nê-xi-a có 217,0 triệu ; Nhật Bản có 127,4 triệu và giới thiệu việc thực hiện chính sách dân số của một số quốc gia châu Á như Trung Quốc thực hiện triệt để mỗi gia đình chỉ được phép có một con. Bên cạnh đó cũng có những nước có chính sách khuyến khích dân số gia tăng như Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po do dân số của những quốc gia này còn tương đối ít.

## **Mục 2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc**

Cho HS cả lớp quan sát hình 5.1. Phân bố các chủng tộc ở châu Á trong SGK, nhận xét các chủng tộc của châu Á, những chủng tộc đó thường tập trung ở các khu vực nào của châu Á. Cần hai HS nêu kết quả làm việc : chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it tập trung ở Tây Nam Á và Nam Á ; chủng tộc Môn-gô-lô-it ở Bắc Á và Đông Á ; khu vực Đông Nam Á có chủng tộc Môn-gô-lô-it ở đan xen với chủng tộc Ô-xtra-lô-it.

GV khẳng định sự khác nhau về mặt hình thức của các chủng tộc không ảnh hưởng tới sự chung sống bình đẳng giữa các quốc gia, các dân tộc.

## **Mục 3. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn**

GV cho một HS đọc đoạn văn trong bài về tôn giáo và để một số HS phát biểu, nhận xét lẫn nhau về sự hiểu biết của các em về tôn giáo. GV cần chốt lại để HS biết sự ra đời của tôn giáo là do nhu cầu, mong muốn của con người và cần liên hệ với những kiến thức lịch sử về sự xuất hiện nền văn minh trong khu vực Tây Nam Á và Nam Á để HS thấy được mối quan hệ giữa tôn giáo và lịch sử phát triển của loài người. Do đó thần linh của cư dân ở các vùng khác nhau là rất khác nhau.

GV chia HS thành nhóm, dựa vào các ảnh trong SGK và khai thác thêm hiểu biết của HS để tìm hiểu về nơi thờ cúng của các tôn giáo lớn. Đại diện của nhóm HS báo cáo kết quả làm việc để các bạn trong cả lớp cùng nghe. GV cũng nên cung cấp thêm một số thông tin về đặc điểm đa tín ngưỡng của người Việt Nam.

GV cần khẳng định vai trò tích cực (tính hướng thiện, tôn trọng lẫn nhau...) và cả tiêu cực (mê tín dị đoan, dễ bị các thế lực phản động lợi dụng,...) của tôn giáo đối với cá nhân và xã hội.